

Số: 124/2019/QĐST- HNGĐ

Chư Prông, ngày 29 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: anh Bùi Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện CPr, tỉnh G

Bị đơn: chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986

HKTT: Thôn H, xã P, huyện CPr, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: làng Châm Né, xã Chư H, thành phố K, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và T giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung khi ly hôn: anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị T nhất trí thỏa thuận như sau:

Giao cả bốn con chung tên: Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/12/2006 (theo nguyện vọng của con trên 7 tuổi); Bùi Văn L, sinh ngày 22/12/2008 (theo nguyện vọng của con trên 7 tuổi); Bùi Thị Ng, sinh ngày 17/5/2011 (theo nguyện vọng của con trên 7 tuổi) và Bùi Thị Thị Ánh Ng sinh ngày 09/11/2013 cho chị Hoàng Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con

thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Bùi Văn T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/12/2006; Bùi Văn L, sinh ngày 22/12/2008; Bùi Thị Ng, sinh ngày 17/5/2011 và Bùi Thị Thị Ánh Ng sinh ngày 09/11/2013 là 1.000.000đ/ 1 tháng / 1 con (Một triệu đồng một tháng trên một con) x 4 con thành tiền 4.000.000đ/1 tháng/ 4 con (Bốn triệu đồng một tháng trên 4 con) kể từ tháng 01 năm 2020 (Dương lịch), đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị T được nhận khoản tiền trên để nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản và nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:**

*Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), thuận tình ly hôn các đương sự phải nộp 50% mức án phí quy định là 300.000đ x 50% = 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T phải chịu 75.000 đồng, chị T phải chịu 75.000 đồng.

*Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên các đương sự phải chịu 50% là 300.000đ x 50% thành tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T phải chịu 150.000 đồng.

Anh Bùi Văn T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm (Cả phần của chị T) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung tổng cộng là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000247 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CPR, tỉnh G. Anh T và chị T đã nộp đủ án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Trung Thực